

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NAM ĐÀN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **07/2021/DS-ST**

Ngày: 29 - 10 - 2021

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM ĐÀN, TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lại.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đinh Xuân Mông.
2. Ông Hoàng Đăng Lợi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kiều Oanh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Ông Đặng Trường Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 25/2021/TLST-DS, ngày 14 tháng 5 năm 2021; về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2021/QĐXXST-DS, ngày 08 tháng 10 năm 2021; giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị H, sinh năm 1953. Địa chỉ: Khối VN, thị trấn NĐ, huyện NĐ, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Bá K, sinh năm 1974. Địa chỉ: Khối NBS, thị trấn NĐ, huyện NĐ, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

3. *Người làm chứng:* Anh Nguyễn Trọng Đ, sinh năm 1977; địa chỉ: Khối VN, thị trấn NĐ, huyện NĐ, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 29/01/2021, lời khai trong quá trình thu thập chứng cứ, hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị H yêu cầu: Từ năm 2012 đến năm 2014 anh Trần Bá K vay của nguyên đơn tổng số tiền 300.000.000 đồng và nói vay tạm thời gian ngắn nên không xác định thời hạn trả nợ. Tuy nhiên sau đó anh Trần Bá K không trả nợ cho nguyên đơn, mặc dù nguyên đơn đã

nhiều lần yêu cầu trả nợ. Đến năm 2019 anh Trần Bá K trả nợ được 15.000.000 đồng. Đến ngày 28/12/2020 (âm lịch) tức đầu năm 2021 anh Trần Bá K trả tiếp số tiền 20.000.000 đồng và viết giấy xác nhận nợ. Trong giấy xác nhận nợ, anh Trần Bá K có hứa trả nợ gốc còn tiền lãi sau khi trả gốc xong sẽ tính lãi theo ngân hàng nhưng không cụ thể nên nguyên đơn xác định theo lãi suất của Quỹ tín dụng là 0,9%/tháng. Hiện tại anh Trần Bá K còn nợ nguyên đơn số tiền gốc là 215.000.000 đồng. Vì vậy, nguyên đơn yêu cầu anh Trần Bá K có trách nhiệm số tiền gốc còn nợ là 215.000.000 đồng và số tiền lãi tính từ tháng 01/2015 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm với mức lãi suất theo quy định của pháp luật trên số tiền gốc còn nợ.

Trong quá trình điều tra, thu thập chứng cứ, tại phiên hòa giải, bị đơn anh Trần Bá K trình bày: Bị đơn thừa nhận vay của nguyên đơn tổng số tiền 300.000.000 đồng để làm ăn. Thời gian làm ăn bình thường, bị đơn đã trả tiền lãi nhưng do làm ăn thua lỗ nên bị đơn không trả lãi tiếp. Đối với tiền gốc, bị đơn đã trả được 03 lần với tổng số tiền là 85.000.000 đồng; hiện tại còn nợ bà Lê Thị H số tiền gốc 215.000.000 đồng. Bà Lê Thị H khởi kiện yêu cầu trả tiền gốc 215.000.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất Ngân hàng, bị đơn đồng ý trả số tiền gốc còn nợ nhưng xin một thời gian nhất định và không hẹn ngày tháng năm cụ thể vì còn phụ thuộc vào điều kiện làm ăn. Riêng tiền lãi suất thì bị đơn không trả vì điều kiện làm ăn thua lỗ.

Quá trình thu thập chứng cứ người làm chứng anh Nguyễn Trọng Đ trình bày: Ngày 28/12/2020 (âm lịch) anh Trần Bá K đến nhà bà Lê Thị H trả nợ và viết giấy nợ cho bà Lê Thị H. Nội dung giấy viết mà bà Lê Thị H giao nộp tại Tòa án là giấy do anh Trần Bá K viết. Chữ ký trong Giấy viết tay là của anh Trần Bá K và anh Nguyễn Trọng Đ đã ký vào giấy do anh Trần Bá K viết với tư cách là người làm chứng về việc anh Trần Bá K thừa nhận nợ và viết giấy vay tiền. Việc viết giấy và xác nhận các khoản nợ trong giấy là hoàn toàn tự nguyện của anh Trần Bá K.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Đàn phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Toà án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền; xác định đúng quan hệ tranh chấp theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; trong quá trình điều tra thu thập chứng cứ Thẩm phán chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình thu thập chứng cứ, thủ tục tố tụng đạt đảm bảo quyền lợi cho các đương sự. Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử đã thực hiện theo đúng trình tự theo quy định từ Điều 239 đến Điều 260 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc

chấp hành pháp luật của Thư ký phiên tòa được thực hiện theo đúng quy định tại Điều 51 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Các đương sự, người làm chứng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 và Điều 78 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 14, 15, 16, 17, 121, 122, 123, 124, 280, 471, 474, 476, 477, 478 BLDS 2005; Điều 468 BLDS 2015; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP Hướng dẫn áp dụng một số quy định pháp luật về lãi, lãi suất; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội, đề xuất: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc anh Trần Bá K phải trả cho bà Lê Thị H số tiền gốc là 215.000.000 đồng (hai trăm mười lăm triệu đồng) và số tiền lãi từ ngày 13/02/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1]. Xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Lê Thị H khởi kiện yêu cầu anh Trần Bá K có địa chỉ cư trú tại thị trấn NĐ, huyện NĐ, tỉnh Nghệ An trả số tiền nợ gốc là 215.000.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất ngân hàng kể từ khi vay đến thời điểm xét xử sơ thẩm nên đây là tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về luật áp dụng: Các đương sự đều thừa nhận giao dịch vay tiền được thực hiện từ năm 2012 đến năm 2014 và đang được thực hiện. Năm 2020 (âm lịch) anh Trần Bá K viết giấy xác nhận nợ. Giấy xác nhận nợ có nội dung, hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự 2015 nên Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của Bộ luật Dân sự 2015 để giải quyết.

[3]. Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn anh Trần Bá K và người làm chứng anh Nguyễn Trọng Đ vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và đã có lời khai tại hồ sơ vụ án nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 228, Điều 229 của Bộ

luật Tổ tụng dân sự.

Về áp dụng pháp luật nội dung:

[1]. Xem xét tính hợp pháp của hợp đồng vay tài sản: Bà Lê Thị H và anh Trần Bá K đều thừa nhận: Từ năm 2012 cuối năm 2014 anh Trần Bá K có vay tiền của bà Lê Thị H để làm ăn và trả lãi theo ngân hàng. Ngày 25/12/2014 (âm lịch) tức là ngày 13/02/2015 dương lịch, anh Trần Bá K đã viết giấy nợ 300.000.000 đồng và tiền lãi 37.500.000 đồng. Đến ngày 28/12/2020 (âm lịch) tức ngày 09/02/2021 dương lịch, anh Trần Bá K trả tiếp số tiền 20.000.000 đồng và tự nguyện viết, ký vào giấy xác nhận: Ngày 25/12/2014 vay bà Lê Thị H 300.000.000 đồng; đã trả được 85.000.000 đồng; lãi suất sau trả hết gốc thỏa thuận theo Ngân hàng. Đây là vấn đề không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Như vậy giấy xác nhận nợ trên là sự xác nhận về việc anh Trần Bá K vay tiền của bà Lê Thị H trong khoảng thời gian từ năm 2012 đến cuối năm 2014 với tổng số tiền là 300.000.000 đồng. Giấy xác nhận nợ không ghi thời hạn vay nên thuộc trường hợp hợp đồng vay không kỳ hạn và có lãi. Bà Lê Thị H đã nhiều lần yêu cầu anh Trần Bá K trả nợ nhưng anh Trần Bá K không trả nợ nên bà Lê Thị H khởi kiện anh Trần Bá K là có căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 469 Bộ luật Dân sự.

[2]. Về yêu cầu thanh toán số tiền vay của nguyên đơn:

Bị đơn anh Trần Bá K thừa nhận còn nợ bà Lê Thị H số tiền gốc là 215.000.000 đồng và chấp nhận trả nợ số tiền trên nhưng xin trả dần mỗi năm một ít. Bà Lê Thị H không đồng ý cho trả dần mà yêu cầu anh Trần Bá K phải trả đủ số tiền trên. Theo quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự thì bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn. Vì vậy chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc anh Trần Bá K phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà Lê Thị H số tiền gốc 215.000.000 đồng.

[3]. Về yêu cầu tiền lãi:

Về căn cứ yêu cầu tính tiền lãi: Anh Trần Bá K thừa nhận: Mục đích vay tiền để làm ăn, thời gian làm ăn bình thường, anh Trần Bá K đều trả lãi theo lãi suất Ngân hàng nhưng sau đó làm ăn thua lỗ nên không có khả năng trả tiền lãi. Trong giấy xác nhận nợ anh Trần Bá K ghi: Lãi suất sau trả hết gốc o cháu thỏa thuận theo Ngân hàng. Như vậy, việc vay tiền là có trả lãi, anh Trần Bá K lấy lý do làm ăn thua lỗ nên không chấp nhận trả tiền lãi cho bà Lê Thị H là không có căn cứ chấp nhận. Do các bên chỉ xác định theo lãi suất Ngân hàng mà không xác định rõ lãi suất cụ thể và anh Trần Bá K xác định không trả tiền lãi do làm ăn thua lỗ nên Hội đồng xét xử áp dụng quy định của pháp luật để tính tiền lãi.

Về thời gian yêu cầu tính tiền lãi: Các giấy xác nhận nợ đều ghi ngày tháng

năm âm lịch và từ năm 2015 (âm lịch) đến nay anh Trần Bá K đã hai lần trả tiền gốc và không trả tiền lãi. Hội đồng xét xử căn cứ vào ngày chót nợ là ngày 25/12/2014 (âm lịch) tức là ngày 13/02/2015 dương lịch để buộc anh Trần Bá K phải trả tiền lãi cho bà Lê Thị H.

Về số tiền yêu cầu tính tiền lãi: Ngày 25/12/2014 (âm lịch) anh Trần Bá K xác nhận còn nợ 300.000.000 đồng. Từ năm 2015 đến nay anh Trần Bá K đã hai lần trả tiền gốc vào năm 2019 và năm 2020 nhưng bà Lê Thị H chỉ yêu cầu tính tiền lãi trên số tiền gốc còn lại là 215.000.000 đồng. Đây là sự tự nguyện của bà Lê Thị H và có lợi cho anh Trần Bá K nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về áp dụng lãi suất: Do quan hệ vay tiền được xác lập từ năm 2012 đến năm 2014 nên căn cứ vào Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, lãi suất được xác định như sau:

- Thời gian từ ngày 13/02/2015 đến ngày 01/01/2017 (22,5 tháng) được áp dụng lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời hạn vay tại thời điểm trả nợ theo quy định khoản 2 Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005. Tại Quyết định số 2868/QĐ-NHNN, ngày 29/11/2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam là 09%/năm tương ứng 0,75%/ tháng. Vì vậy, tiền lãi được tính là:

$215.000.000 \text{ đồng} \times 22,5 \text{ tháng} \times 0,75\%/\text{tháng} = 36.281.000 \text{ đồng}.$

- Thời gian từ ngày 01/01/2017 đến ngày 29/10/2021 (58 tháng) được áp dụng Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự thì lãi suất do các bên thỏa thuận không được vượt quá 20% năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có quy định khác. Trường hợp có thỏa thuận lãi nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Vì vậy mức lãi suất được áp dụng không vượt quá 10% năm tương ứng 0,83%/tháng. Tiền lãi được tính là:

$215.000.000 \text{ đồng} \times 58 \text{ tháng} \times 0,83\%/\text{tháng} = 103.501.000 \text{ đồng}.$

Tổng số tiền lãi buộc anh Trần Bá K phải có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị H là 139.782.000 đồng.

[4]. Về án phí: Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận. Số tiền án phí dân sự sơ thẩm được tính là $354.782.000 \text{ đồng} \times 5\% = 17.739.000 \text{ đồng}.$

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005; các Điều 116, 117, 118, 119, 401, 463, 464, 465, 466, 468 và khoản 2 Điều 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H: Buộc anh Trần Bá K phải trả nợ cho bà Lê Thị H tổng số tiền 354.782.000 đồng (Ba trăm năm mươi tư triệu bảy trăm tám mươi hai nghìn đồng); trong đó: Số tiền nợ gốc là 215.000.000 đồng (Hai trăm mười lăm triệu đồng) và số tiền lãi là 139.782.000 đồng (Một trăm ba mươi chín triệu bảy trăm tám mươi hai nghìn đồng).

2. Về án phí: Anh Trần Bá K phải chịu 17.739.000 đồng (Mười bảy triệu bảy trăm ba mươi chín nghìn đồng).

3. Về thi hành án:

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật, nếu không thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Nam Đàn;
- Các đương sự
- Lưu HSVA; VPTA

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Lại

